

THẬP PHÚC HÀNH TÔNG

PUÑÑAKIRIYAVATTHU

A. Định nghĩa:

Phúc Hành Tông (puññakiriyavatthu) hay Phước Nghiệp Sự, còn gọi là Thập Hạnh Phúc.

Danh từ Puñña nghĩa là phước, phúc lành, công đức. Kiriya nghĩa là hành động, việc làm, sự thực hiện, có nghĩa là điều nên làm. Từ Vatthu có nhiều nghĩa, ở đây Vatthu có nghĩa là tông, căn bản, nền tảng, cơ sở.

Phúc Hành Tông nghĩa là căn bản làm việc phước hay nền tảng thực hiện các công đức. Thập Phúc Hành Tông nghĩa là mười điều căn bản tạo các công đức, phước báu.

Thập Phúc Hành Tông còn gọi là Thập Hạnh Phúc nghĩa là mười việc thiện lành tạo ra sự an lạc, hạnh phúc.

Phước (Puñña) là gì?

Phước (Puñña) đồng nghĩa với Thiện (kusala) đều có nghĩa hành động tốt đẹp, thanh tịnh, có lợi ích an lạc, hạnh phúc.

Phước (Puñña) nghĩa là việc thiện lành, việc làm tốt đẹp, khôn khéo. Người làm phước bằng tâm thiện, là trạng thái tâm tốt đẹp, trong sạch, thanh tịnh.

Phước (Puñña) nghĩa là trạng thái tâm trong sạch, thanh tịnh. Phước là công cụ tẩy trừ trạng thái cấu uế phiền não làm cho tâm trong sạch.

Có câu Pāli định nghĩa danh từ Puñña:

Attano santānaṃ punāti sodhetī'ti = puññaṃ: Trạng-thái làm cho tâm của mình trong sạch gọi là phước.

Phước (Puñña) nghĩa là sự an lạc tiến hóa hay có nghĩa hành vi tốt đẹp chân chánh của thân, khẩu, ý như việc làm bố thí, trì giới, tu thiền...

Phước gồm có phước nhân và phước quả. Khi nói đến phước nhân, đó là cách làm việc tốt, hành động thiện lành mà chúng ta thực hiện. Khi nói đến phước

quả, đó là kết quả tốt đẹp của hành động thiện lành, là sự thọ hưởng những điều lợi ích, an lạc, hạnh phúc, may mắn ở đời hiện tại và ở đời sau hay hưởng hạnh phúc của sự giải thoát.

Trong kinh Tăng Chi, chương Tám Pháp, Phẩm Bồ Thí (AN 8. 36), đức Phật dạy về Phúc Hành Tông (puññakiriyavatthu) có 3 điều cơ bản là:

- 1) Bồ thí (Dānamaya).
- 2) Trì giới (Sīlamaya).
- 3) Tu tiên (Bhāvanāmaya).

Bồ thí là nhân tạo phước vật chất, Trì giới là nhân tạo phước đức, Tu tiên là nhân tạo phước trí tuệ.

Trong số giải, đã thêm bảy điều nữa thành Thập Phúc Hành Tông, đó là:

- 1) Bồ thí (Dānamaya).
- 2) Trì giới (Sīlamaya).
- 3) Tu tiên (Bhāvanāmaya).
- 4) Cung kính (Apacāyanamaya).
- 5) Phục vụ (Veyyāvaccamaya).
- 6) Hồi hướng phước (Pattidānamaya).
- 7) Tùy hỷ phước (Pattānumodanāmaya).
- 8) Thính pháp (Dhammassavanamaya).
- 9) Thuyết pháp (Dhammadesanāmaya).
- 10) Cải chánh tri kiến (Ditṭhujukatamaya).

Trong mười việc phước thiện này tạo ra Phước vật, Phước đức và Phước trí.

Nhóm pháp tạo Phước vật có 3 điều là:

- Bồ thí (Dāna).
- Hồi hướng phước (Pattidāna).
- Tùy hỷ phước (Pattānumodanā).

Nhóm pháp tạo Phước đức có 3 điều là:

- Trì giới (Sīla).

- Cung kính (Apacāyana).
- Phục vụ (Veyyāvacca).

Nhóm pháp tạo Phước trí có 3 điều là:

- Tu tiên (Bhāvanā).
- Thính pháp (Dhammassavana).
- Thuyết pháp (Dhammadesanā)

Riêng về điều Cải chánh tri kiến (Ditṭhujukata) thì gọi là pháp tạo cả ba loại phước, vì có tri kiến chân chánh sẽ giúp cho bố thí, trì giới và tu tiên được thanh tịnh.

B. Nội Dung:

I. Bố Thí (Dāna):

1. Định nghĩa:

Bố Thí (Dāna, Tà u âm là Đ àn-na), Dāna xuất phát từ ngữ “Dā”, nghĩa là sự cho, biếu, tặng, ban bố, hiến, dâng cúng, cúng dường. Bố thí là một hạnh lành, là hành động chia sẻ với tâm hào phóng, rộng rãi, sự cho đi mà không mong nhận lại. Bố thí là nhân thiện cho quả an vui. Bố thí giúp loại bỏ tâm xan tham, bõn xẽn.

Khi một người dứt bỏ được tâm xan tham, keo kiết bõn sẽn thì mới có thể bố thí được, do vậy, bố thí là một việc làm tốt đẹp, cao quý. Không phải ai cũng làm việc bố thí được, và không phải lúc nào cũng bố thí được.

Bố thí (dāna) còn được gọi là xả tài (cāga) hay thí xả (pariccāga). Bố thí là hạnh tu Ba la mật đầu tiên trong mười pháp Ba la mật.

Bố thí là một trong bốn pháp nhiếp phục nhân tâm, đó là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự.

Bố thí là một trong bảy loại tài sản cao quý nhất, đó là Tín tài, giới tài, tàm tài, quý tài, văn tài, thí tài, tuệ tài.

2. Phân tích:

Điều kiện Bồ thí:

Để thành tựu phước bồ thí, phải hội đủ ba điều kiện:

- a) Tư niệm thí hay Tác ý thí (cetanādāna).
- b) Vật thí (vatthudāna).
- c) Đối tượng thí (paṭigāhakadāna).

1) Tư niệm thí hay Tác ý thí (cetanādāna):

Là sự chủ ý làm việc bồ thí, sự cố ý bồ thí, khởi lên thiện ý rằng: Ta sẽ bồ thí, ta sẽ cho, tặng... Tác ý (cetanā) bồ thí là Sở hữu Tư đồng sanh trong tâm thiện tạo ý nghiệp thiện bồ thí. Khi thiện ý khởi lên bồ thí trong tâm rồi, người thí chủ phát ngôn bằng lời rằng tôi cho, tặng, dâng cúng và đồng thời thân hành động đem vật thí ra cho, tặng, dâng đến cá nhân người đó hay một tập thể. Như vậy, người thực hành hạnh bồ thí tạo đủ cả ba nghiệp thiện là thân nghiệp thiện, khẩu nghiệp thiện và ý nghiệp thiện.

Khi làm việc bồ thí để thành tựu việc phước rộng lớn cần phải hội đủ Tam tư (cetanā):

- a) Tư tiền (pubbacetanā): là sự chủ tâm trước khi làm, tức là khởi lên tác ý bồ thí, có thiện ý, có chủ ý bồ thí trước khi làm.
- b) Tư hiện (muñcanacetanā): là sự chủ tâm trong khi làm, tức là khởi lên tác ý bồ thí, có thiện ý, có chủ ý bồ thí trong khi đang làm.
- c) Tư hậu (aparacetanā): là sự chủ tâm sau khi làm, tức là khởi lên tác ý, có thiện ý, chủ tâm nhớ lại hoan hỷ việc bồ thí sau khi làm xong.

Cả ba Tư niệm thí: Tư tiền, Tư hiện và Tư hậu không phải thường xuyên trong một lúc có đủ cả 3 tư. Đôi khi có Tư tiền nhưng lại không có Tư hiện, Tư hậu. Đôi khi có Tư hiện nhưng lại không có Tư tiền, Tư hậu. Đôi khi có Tư tiền và Tư hiện nhưng lại không có Tư hậu. Đôi khi có Tư hiện và Tư hậu nhưng lại không có Tư tiền. Đôi khi có Tư tiền và Tư hậu nhưng lại không có Tư hiện. Đôi khi cũng có đầy đủ cả 3 Tư.

Trong cả 3 Tư này, nếu nói theo việc sanh khởi dễ dàng hoặc khó khăn thì Tư hiện dễ sanh khởi, Tư hậu khó sanh khởi. Cho nên nếu Tư sanh lên không đủ

3 thời như đã trình bày thì việc bố thí thường không có thù thắng. Vì vậy, nên tinh cần làm cho cả 3 thời hoàn hảo thì việc bố thí thường cho quả thù thắng.

Lại nữa, bố thí với tâm thiện hợp với trí tuệ, có quả phước thù thắng hơn tâm thiện ly trí, thiếu trí tuệ. Bố thí với tâm thiện sanh khởi mau lẹ có quả phước trở mau hơn bố thí với tâm thiện sanh khởi chậm chạp.

Mặc dù Bố thí được thực hiện đầy đủ tam Tư nhưng khi bố thí với tâm thiện ly trí, thiếu trí tuệ thì quả phước kém thù thắng.

Trường hợp Bố thí được thực hiện có đầy đủ tam Tư và với một tâm thiện hợp trí tuệ thì việc bố thí thành tựu quả phước thù thắng nhất.

2) Vật thí (vatthudāna):

Có hai loại bố thí là:

- Bố thí tài vật (āmisadāna).
- Bố thí pháp (dhammadāna).

Trong kinh Tăng chi Đức Phật dạy:

Này các Tỷ-kheo, có hai loại bố thí này. Thế nào là hai? Bố thí tài vật và bố thí pháp. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là các loại bố thí. Tôi thắng trong hai loại bố thí này, này các Tỷ-kheo, tức là Pháp thí. (AN. XIII Phẩm Bố thí)

a) Bố thí tài vật (āmisadāna): là bố thí tài sản vật chất.

Theo Luật Tạng, Vật thí là bốn món vật dụng (paccayadāna) là: y phục (cīvara), vật thực (piṇḍapāta), trú xứ (senāsana), thuốc trị bệnh (gilānabhesajja).

Nói theo Kinh Tạng, Vật thí có mười thứ là: thức ăn (aṇṇa), nước uống (pāna), y phục (vattha), xe thuyền (yāna), bông hoa (mālā), vật thơm (gandha), vật thoa (vilepana), giường ghế (seyyā), chỗ ở (āvasatha), đèn đuốc (padīpa).

Nói theo Vi Diệu Pháp, Vật thí có sáu thứ là: sắc (rūpa), thanh (sadda), hương (gandha), vị (rasa), xúc (phoṭṭhabba) và pháp (dhamma).

Vật bố thí phải thanh tịnh, trong sạch, hợp theo pháp và luật, là những tài sản phát sanh từ nghề nghiệp lương thiện, chân chánh. Vật bố thí thanh tịnh là yếu tố giúp thành tựu phước báu trọn vẹn.

b) Bố thí pháp (dhammadāna): là giảng dạy chánh pháp, thuyết pháp, dạy thiền, ấn tống Tam tạng kinh điển, biên soạn, dịch kinh sách lời Phật dạy...

Đức Phật dạy trong kinh Tương Ưng, Phẩm thiêu cháy (SN 1.42):

“Cho ăn là cho lực.
Cho mặc là cho sắc.
Cho xe là cho lạc.
Cho đèn là cho mắt.
Ai cho chỗ trú xứ.
Người ấy cho tất cả.
Ai giảng dạy chánh pháp.
Vị ấy cho bất tử.”

Bố thí pháp là sự bố cao quý nhất, vì bố thí pháp giúp cho người khác hiểu được chân lý, thoát khỏi phiền não đau khổ, sống an lạc ngay hiện tại và đạt đến sự giải thoát hoàn toàn. Đức Phật dạy trong pháp cú kinh: bố thí pháp thắng tất cả mọi thí.

“Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti,
Sabbarasaṃ dhammaraso jināti,
Sabbaratiṃ dhammarati jināti,
Taṇhakkhayo sabbadukkhaṃ jināti.” (Dhp.354)
Pháp thí, thắng mọi thí!
Pháp vị, thắng mọi vị!
Pháp hỷ, thắng mọi hỷ!
Ái diệt, thắng mọi khổ.

3) Đối tượng thí (paṭigāhaka):

Là người nhận vật thí, bất cứ ai cũng có thể là đối tượng thí hay người thọ thí được cả.

Đối tượng thí có hai là: Cá nhân thí (paṭipuggalika) và Tập thể thí (saṅghika):

a) Cá nhân thí (paṭipuggalika):

Là bố thí đến một cá thể, một người hay một con vật, như Đức Phật, vị tỷ kheo, vị tỷ kheo ni, ông bà, cha mẹ, thầy tổ, người nghèo ...

Trong Kinh Phân Biệt Cúng Dường (Dakkhiṇāvibhaṅgasutta), Đức Phật dạy cá nhân thí có 14 đối tượng:

- 1) Bố thí các đức Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.
- 2) Bố thí các vị Độc Giác Phật.
- 3) Bố thí các bậc A-la-hán, đệ tử Như Lai.
- 4) Bố thí các vị trên con đường chứng quả A-la-hán.
- 5) Bố thí các vị chứng quả Bất lai.
- 6) Bố thí các vị trên con đường chứng quả Bất lai.
- 7) Bố thí các vị chứng quả Nhất lai.
- 8) Bố thí các vị trên con đường chứng quả Nhất lai.
- 9) Bố thí các vị chứng quả Dự lưu.
- 10) Bố thí các vị trên con đường chứng quả Dự lưu.
- 11) Bố thí những vị ngoại học (bāhiraka) đã ly tham trong các dục vọng.
- 12) Bố thí những phạm phu gìn giữ giới luật.
- 13) Bố thí những phạm phu theo ác giới.
- 14) Bố thí các loại bàng sanh.

Mười bốn loại cá nhân thí kể theo thứ tự có được công đức phước báu từ ít đến nhiều vô lượng. Đức Phật dạy trong Kinh Phân Biệt Cúng Dường như sau:

- Tại đây, này Ananda, sau khi bố thí cho các loại bàng sanh, đem lại trăm phần công đức.
- Bố thí cho những phạm phu theo ác giới, đem lại ngàn phần công đức.
- Bố thí cho các phạm phu gìn giữ giới luật, đem lại trăm ngàn lần công đức.
- Bố thí cho các người ngoại học đã ly tham trong các dục vọng, đem lại trăm ngàn ức lần công đức.
- Bố thí cho các vị trên con đường chứng quả Dự lưu, đem lại vô số vô lượng công đức.

- Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Dự lưu.
- Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả Nhất lai.
- Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Nhất lai.
- Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả Bất lai.
- Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Bất lai.
- Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả A-la-hán
- Còn nói gì đến những vị đã chứng quả A-la-hán, đệ tử Như Lai.
- Còn nói gì đến những vị Độc Giác Phật.
- Còn nói gì đến các Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

b) Tập thể thí (saṅghika):

Là bố thí đến một đoàn thể, một nhóm người, như bố thí đến trại trẻ mồ côi, trại dưỡng lão, trại cùi ... hoặc cúng dường đến Tăng chúng.

Về việc cúng dường tập thể Tăng chúng, trong Kinh Phân Biệt Cúng Dường, Đức Phật dạy 7 loại cúng dường Tăng chúng:

- 1) Bố thí cho cả hai Tăng chúng với đức Phật là vị cầm đầu.
- 2) Bố thí cho cả hai Tăng chúng, sau khi đức Phật đã nhập diệt.
- 3) Bố thí cho chúng Tỷ kheo.
- 4) Bố thí cho chúng Tỷ kheo ni.
- 5) Bố thí cho một số Tỷ kheo và một số Tỷ kheo ni.
- 6) Bố thí cho một số Tỷ kheo.
- 7) Bố thí cho một số Tỷ kheo ni.

Đức Phật dạy bố thí đến tập thể Tăng chúng phước báu nhiều hơn cá nhân thí. Hoàng hậu Mahāpajāpati Gotami tự tay dệt vải may bộ y dâng cúng đến Đức Phật nhưng Đức Phật không thọ nhận, Ngài đã khuyên Hoàng hậu dâng bộ y đến Tăng chúng để được phước báu nhiều hơn.

Hình thức Bố thí:

Xét về thái độ bố thí thì có hai hình thức Bố thí:

- a) Bố thí tế độ (saṅgahavasa): là thái độ bố thí với tâm bi mẫn, thương xót giúp đỡ chúng sanh bất hạnh, mong xoa dịu nỗi khổ đau của chúng sanh ấy, như bố thí đến người nghèo khổ, các loài thú...

- b) Bồ thí cúng dường (pūjavasa): là thái độ bồ thí với tín tâm, dâng cúng với tâm trong sạch, cung kính, như là cúng dường đến đức Phật, các bậc sa-môn, các bậc ân nhân cha mẹ, thầy tổ...hay cúng dường Tam Bảo bằng sự thực hành pháp.

Cung cách bồ thí:

Trong Tăng Chi Kinh (A.III.171), Đức Phật dạy về cung cách bồ thí của bậc hiền trí có năm là:

1. Bồ thí có tôn trọng (Sakkaccaṃ deti): là bồ thí với tâm cung kính, tôn trọng người nhận.
2. Bồ thí có suy nghĩ (Cittikatvā deti): là có chủ tâm bồ thí, suy xét đến nghiệp quả, hay có tư tiền, tư hiện và tư hậu.
3. Bồ thí tự tay (Sahatthā deti): là tự chính mình bồ thí, chớ không sai bảo hay giao phó người khác làm.
4. Bồ thí đồ không quăng bỏ (Anapaviddhaṃ deti): là bồ thí vật tốt đẹp mình đang dùng xài, vật quý trọng, không phải là vật dư thừa hư cũ.
5. Bồ thí có nhìn tương lai (Āgamanaditṭhiko deti): là bồ thí với tâm hướng đến mục đích thành tựu quả an vui, giải thoát.

Bồ thí hợp thời:

Trong Tăng Chi Kinh (A.III.171), Đức Phật dạy về 5 sự bồ thí hợp thời:

1. Bồ thí cho người mới đến (Āgantukassa dānaṃ deti): khi khách đến nhà tiếp đãi chỗ ăn chỗ ở, hay hộ độ cúng dường đến vị khách tăng.
2. Bồ thí cho người sắp đi xa (Gamikassa dānaṃ deti): biếu tặng vật dụng, thức ăn thức uống cho người sắp đi xa, hay hộ độ dâng cúng đến vị tỳ-kheo sắp rời khỏi địa phương, gọi là bồ thí hợp thời.
3. Bồ thí đến người bệnh (Gilānassa dānaṃ deti): giúp đỡ tịnh tài, vật thực, thuốc men cho người đang bị bệnh nặng hay dâng cúng đến vị tỳ-kheo đang bị bệnh, gọi là bồ thí hợp thời.
4. Bồ thí lúc nạn đói (Dubbhikkhe dānaṃ deti): Trong lúc đói kém, chia sẻ bồ thí vật thực, thức uống, y phục hoặc cúng dường các tỳ-kheo địa phương, gọi là bồ thí hợp thời.

5. Dành ưu tiên cho các bậc giới hạnh những gì đầu mùa như trái cây mới có... (Yāni tāni navasassāni navaphalāni tāni paṭhamam sīlavantesu paṭi-thāpeti). Đó gọi là bố thí hợp thời.

Tâm lý bố thí:

Giá trị của sự bố thí tùy vào tâm lý bố thí của người cho. Có tám tâm lý bố thí (A.IV.236) như sau:

- 1) Do thương mà bố thí (chandā dānam deti): vì thương yêu người nào đó nên biếu tặng cho người ấy quà phẩm hoặc tiền bạc.
- 2) Do ghét mà bố thí (dosā dānam deti): vì bức bối do bị xin xỏ quấy rầy nên bố thí cho yên, hoặc vì muốn sỉ nhục mà bố thí, hoặc vì ghét người này mà đem cho người khác.
- 3) Do dốt nát mà bố thí (mohā dānam deti): Do không nhận thức tính thiện pháp của bố thí, không nghĩ đến mục đích gì, chỉ là ai xin thì cho vậy thôi.
- 4) Do sợ mà bố thí (bhayā dānam deti): khi bị đe dọa, hoặc bị áp bức, hoặc yếu thế nên phải cho tài sản để yên thân.
- 5) Do truyền thống mà bố thí (kulavaṃsā dānam deti): Trong gia đình truyền thống bố thí, nên người ấy rộng rãi xả tài vì nghĩ rằng ta không nên làm mất truyền thống gia đình.
- 6) Do mục đích sanh thiên mà bố thí (Sugati-upapannatthāya dānam deti): Bố thí mong được sanh về cõi trời, nghĩ rằng sau khi bố thí ta chết sẽ sanh thiên.
- 7) Do mục đích tâm an vui mà bố thí (cittapa-sīdanatthāya dānam deti): vì thấy rằng khi ta bố thí đem lại niềm vui cho kẻ khác thì ta được an vui.
- 8) Do mục đích trang bị cho tâm mà bố thí (cittaparikkhārattham dānam deti): người bố thí với tâm cầu giải thoát, muốn trang bị cho tâm, làm cho tâm được thuần thực, làm cho tâm trong sáng khỏi cấu uế xan tham nên bố thí.

Trong tám tâm lý bố thí ấy chỉ có Sự bố thí vì mục đích trang bị tâm là sự bố thí cao quý, Sự bố thí vì mục đích tâm an vui cũng là sự bố thí tốt đẹp.

Sự bố thí vì truyền thống và sự bố thí vì mục đích sanh thiên, cũng được bậc trí trong đời chấp nhận, nhưng không xem là thù thắng.

Hữu lậu thí (vattanissita dāna) và vô lậu thí (vivattanissita dāna).

- a) Hữu lậu thí: là bố thí với tâm mong cầu thọ hưởng quả an vui trong thế gian, như mong đạt được tài sản, giàu sang, địa vị, được xinh đẹp, được sanh thiên ...
- b) Vô lậu thí: là bố thí với tâm xả ly, từ bỏ chỉ cầu mong đạt được sự chứng ngộ đạo, quả, Níp bàn, chấm dứt sanh tử luân hồi, gọi là vô lậu thí.

3. Quả Phúc của Sự Bố thí:

Hạnh bố thí thành tựu nhiều lợi lạc cho thí chủ. Nhưng tùy theo hạnh bố thí mà có được những quả lợi ích khác nhau.

Hạnh bố thí có những quả báu, lợi ích khác nhau tùy theo vật thí, tâm lý bố thí, cung cách bố thí v.v...

Bố thí vật thực sẽ thành tựu 5 điều lợi lạc đến thí chủ (A.III.42):

- 1) Hưởng tuổi thọ hơn thiên, vì thí thực giúp cho người khác được kéo dài sự sống.
- 2) Hưởng dung sắc hơn thiên, vì thí thực giúp cho người khác nuôi thân xinh tốt.
- 3) Hưởng an vui hơn thiên, vì thí thực giúp cho người khác ngăn được cảm thọ đói khổ.
- 4) Hưởng sức lực hơn thiên, vì thí thực giúp cho người khác có sức khỏe sung mãn.
- 5) Hưởng biện tài hơn thiên, vì thí thực giúp cho người khác bồi dưỡng trí tuệ.

Quả bố thí thành tựu theo tâm lý bố thí (A.A.257) có 5 sự kiện là:

- 1) Người bố thí vì thương, vì ghét, vì dốt nát, vì sợ thì quả báo về sau rất kém, có tài sản không đáng kể, không thể sanh ở cõi trời.
- 2) Người bố thí vì giữ truyền thống thì thường đạt đến tài sản trong cõi hơn loại thôi.
- 3) Người bố thí vì mong sanh thiên thì được đạt đến tài sản chư thiên.
- 4) Người bố thí vì để tâm an vui thì có thể đạt đến hai loại tài sản là tài sản hơn loại (manussa-sampatti), tài sản chư thiên (devasampatti).

- 5) Người bố thí dễ trang bị cho tâm, làm trang nghiêm tâm, cầu sự giải thoát thì sẽ được tài sản thánh nhân hay thành tựu Níp bàn (nibbānasam-patti), nếu thí chủ chưa chứng đạt Níp bàn mà còn luân hồi sanh tử thì vẫn được tài sản chư thiên và tài sản nhân loại.

Quả bố thí thành tựu theo cung cách bố thí (A.III.172) có 5 điều là:

- 1) Bố thí bằng niềm tin, được quả báo tương lai giàu có và xinh đẹp khả ái.
- 2) Bố thí tôn trọng, được quả tương lai giàu có và nhiều người qui phục.
- 3) Bố thí hợp thời, được quả tương lai giàu có và các nhu cầu được đáp ứng đầy đủ đúng lúc.
- 4) Bố thí tâm không gượng ép, được quả tương lai giàu có và hưởng thụ với tâm thoải mái mãi mãi nguyên vẹn.
- 5) Bố thí không gây tổn hại mình và người, được quả tương lai giàu có và giữ vững được tài sản; không bị phá sản bởi lửa, nước, vua, kẻ cướp, hay người thừa kế.

Quả báo thiết thực của sự bố thí (A.III.38) có năm điều là:

Trong kinh Tăng chi Đức Phật giảng cho tướng quân Sīha về quả thiết thực hiện tại của Bố thí có 5 điều:

- 1) Được nhiều người thương yêu kính mến.
- 2) Được các bậc thiện trí thức giao hảo.
- 3) Danh thơm tiếng tốt lan truyền
- 4) Có tâm dạn dĩ tự tại khi đến giữa các hội chúng.
- 5) Sau khi mạng chung được sanh vào nhân cảnh cõi trời.

Lợi ích của Bố thí:

Trong kinh Tăng chi, Đức Phật giảng cho các vị tỳ kheo về 5 lợi ích của Bố thí:

Này các Tỳ-kheo, có năm lợi ích này của bố thí. Thế nào là năm?

- 1) Được nhiều người ái mộ, ưa thích.
- 2) Được bậc Thiện nhân, Chân nhân thân cận.

- 3) Tiếng đồn tốt đẹp được truyền đi.
- 4) Không có sai lệch pháp của người gia chủ.
- 5) Khi thân hoại mạng chung được sanh lên cõi lành, Thiên giới.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là lợi ích của bố thí.

Trong pháp cú kinh, Đức Phật dạy về nhân quả của sự bố thí và không bố thí rằng:

Na ve karayirā devalokam vajanti.
 Bālā have nappasamsanti dānam
 Dhīro ca dānam anumodamāno.
 Teñeva so hoti sukhī parattha. (Dhp. 177)
 “Keo kiết không sanh thiên.
 Kẻ ngu ghét bố thí.
 Người trí thích bố thí.
 Đời sau được hưởng lạc.” (Pc. 177)

Tóm lại:

Bố thí là một thiện pháp, là pháp tu căn bản tạo thiện nghiệp đem lại sự lợi ích, an lạc cho mình ngay trong hiện tại và đem lại lợi ích an vui cho tha nhân, được hưởng quả an lạc nhân thiên. Mọi ước nguyện được thành tựu nhờ vào phước thiện bố thí. Phước báu của sự bố thí luôn theo người thí chủ như bóng theo hình mọi nơi. Phước Bố thí trợ giúp thành tựu đạo quả, Níp Bàn.

II. Trì Giới (Sīla):

Định nghĩa:

a) Giới là gì?

Giới (Sīla) là nền tảng đạo đức, là quy tắc sống tốt đẹp về hành động của thân và khẩu.

Giới (Sīla) có nhiều ý nghĩa:

- ❖ Giới là sự cố ý từ bỏ các việc ác, tránh xa thân ác hạnh (kāyaduccarita) và khẩu ác hạnh (vacīduccarita). Hay Giới (Sīla) là sự cố ý thọ trì gìn giữ giới luật trong sạch.
- ❖ Giới là sự tiết chế, ngăn trừ (virati) thân, khẩu ác hạnh, là tánh giới phần (viraticetasika) gọi là sở hữu giới phần có 3: Chánh Ngữ (sammāvācā), Chánh Nghiệp (sammākammanto), Chánh Mạng (sammā-ājīvo). Ba sở hữu giới phần này ngăn trừ các ác bất thiện pháp.

Theo Sớ giải Atthasālinī, sự tiết chế, ngăn trừ (virati) ác hạnh có 3 trường hợp:

- 1) Tiết chế do đối đầu (sampattavirati).
- 2) Tiết chế do thọ giới (samādānavirati).
- 3) Tiết chế do đoạn trừ (sammucchedavirati).

1. Tiết chế do đối đầu (sampattavirati) hoặc tiết chế tự nhiên hay giới tự nhiên.

Là sự giữ giới tự nhiên, không cố ý, giới phát sanh một cách tự nhiên trong khoảng khắc tiếp xúc với đối tượng đang hiện hữu, không phải do nguyện giữ giới. Một người ngăn chặn, kiêng tránh làm điều ác, như tránh trộm cắp, tránh sát sanh hay tránh nói dối ở những khoảng khắc nào đó trong cuộc sống, do suy nghĩ đến dòng dõi, địa vị, tuổi tác, giáo dục, hoặc cá tính, tập quán kiếp trước, v.v... nên không làm điều ác.

2. Tiết chế do thọ giới (samādānavirati) hay Giới thọ trì:

Là sự tiết chế, kiêng tránh làm điều ác do phát nguyện thọ trì giới luật, như nguyện thọ trì ngũ giới, bát giới hay thập giới...

3. Tiết chế do đoạn trừ (sammucchedavirati) hay Giới đoạn lậu:

Là sự tiết chế đoạn trừ tận gốc rễ phiền não, do năng lực của Thánh Đạo Tuệ. Đây là giới của các bậc Thánh. Giới này phát sinh một cách tự động, không cần phải thọ, không cần cố gắng, thuần tịnh, không bị gián đoạn, không tỳ vết, và kéo dài suốt đời.

- ❖ Giới là sự thu thúc, chế ngự (saṃvara). Sự thu thúc, phòng hộ có 5 cách:

- 1) Biệt giải thoát thu thúc giới (Pāṭimokkhasaṃvarasīla), là sự phòng hộ bằng giới bốn.

- 2) Niệm thu thúc giới (Saṭisaṃvarasīla) là sự phòng hộ bằng chánh niệm khi sáu căn tiếp xúc với sáu cảnh.
- 3) Trí thu thúc giới (Ñāṇasaṃvarasīla): là sự phòng hộ bằng trí tuệ quán tưởng khi thọ dụng tứ vật dụng.
- 4) Nhẫn thu thúc giới (Khantisamvarasīla): là sự phòng hộ bằng nhẫn nại, có sự nhẫn nại khi gặp hoàn cảnh khó khăn, nhẫn nại với thời tiết khắc nghiệt, nhẫn nại với những lời mắng chửi, phỉ báng, vu khống...
- 5) Cần thu thúc giới (Viriyasaṃvarasīla): là sự phòng hộ bằng tinh tấn, là tinh tấn loại bỏ dục tư duy, sân tư duy và hại tư duy. Sự tinh tấn nuôi mạng thanh tịnh cũng nằm trong ý nghĩa cần thu thúc.

❖ Giới là sự không vi phạm (avitikkamo sīlaṃ): nghĩa là sự gìn giữ giới luật, không vi phạm các điều học đã thọ trì.

b) Ý nghĩa của Giới:

Giới có ý nghĩa là sự kết hợp (Sīlana). Sự kết hợp có 2 nghĩa:

- i) Giới có ý nghĩa là phối hợp (samādhāna), là chỉ sự không bắt nhất trong ba nghiệp thân, khẩu và ý nhờ giới hạnh. Ý nghiệp thanh tịnh thì thân nghiệp và khẩu nghiệp cũng thanh tịnh.
- ii) Giới có ý nghĩa là nâng đỡ (upadhāraṇa), nghĩa là giới là nền tảng (ādhāra) nâng đỡ những thiện pháp, hỗ trợ cho định, tuệ, đạo quả phát sanh.

Như có Pāli chú giải rằng: “Sīlayati kusalaḍḍhamme upadhāretīti = sīlaṃ”:

Trạng-thái nào có khả năng làm nền tảng cho các thiện-pháp phát sinh như định (samādhi), tuệ (paññā), giải-thoát (vimutti), giải-thoát tri-kiến (vimuttiñāṇadassana), trạng-thái ấy gọi là giới.

❖ Giới có ý nghĩa là sự mát mẻ, thanh lương, vì giới làm cho thân tâm mát mẻ do bất hối.

Trì giới là nhân phát sanh phước đức. Trì giới là một thánh sản trong bảy thánh sản. Và Trì giới là pháp Ba la mật thứ hai trong mười pháp Ba la mật.

c) Yếu tố trì giới:

Có hai yếu tố giúp giữ giới hạnh trong sạch:

- Tàm (hiri) là sự hổ thẹn tội lỗi. Nhờ có sự hổ thẹn tội lỗi nên không dám làm điều ác, giúp cho việc giữ giới luật được thanh tịnh.
- Quý (ottappa) là sự ghê sợ tội lỗi. Nhờ có sự ghê sợ tội lỗi nên không dám làm điều ác, giúp cho việc giữ giới luật được thanh tịnh.

Phân Loại Giới:

Giới (Sīla) nói một cách rộng rãi được chia làm hai loại là: Giới hành (cārittasīla) và Giới tránh (vārittasīla).

1. Giới hành (cārittasīla):

Giới hành là những giới hạnh nên thực hành đã được đức Phật dạy, đó là những phận sự, bổn phận của con cái đối với cha mẹ, bổn phận cha mẹ đối với con cái, bổn phận trò đối với thầy, bổn phận thầy đối với trò...

2. Giới tránh (vārittasīla):

Giới tránh là giới nên kiêng tránh, nghĩa là thọ trì gìn giữ các giới luật đã được Đức Phật chế định, như tránh xa sự sát sanh, trộm cắp...

Giới có bốn loại là:

- a) Giới Tỳ kheo (Bhikkhusīla) có 227 giới
- b) Giới Tỳ kheo ni (Bhikkhunīsīla) có 311 giới
- c) Giới Sa di, Sa di ni (Sāmaṇera, Sāmaṇerī): gồm có 10 điều học (sikkhāpada), 10 điều hành phạt (daṇḍakamma), 10 điều trục xuất (nāsaṇaṅga) và 75 điều ung học pháp (sekhiyadhamma).
- d) Giới tại gia (gahatṭhasīla) gồm có: Ngũ giới (pañcasīla), Bát quan trai giới (Uposathasīla), và Trì mạng giới (Ājīvatṭhamakasīla).

Ngũ giới (pañcasīla):

Ngũ giới gọi là thường giới (niccasīla), là giới cần kiêng tránh, người tại gia cư sĩ gìn giữ ngũ giới cho được trong sạch để ngăn trừ thân ác nghiệp và khẩu ác nghiệp. Ngũ giới (pañcasīla) là:

- 1) Cố ý tránh xa sự sát sanh (pāṇātipātā veramaṇī).
- 2) Cố ý tránh xa sự trộm-cắp (adinnādānā veramaṇī).

- 3) Cố ý tránh xa sự tà-dâm (Kamesu-micchācārā veramaṇī).
- 4) Cố tránh xa sự nói-dối (musāvādā veramaṇī).
- 5) Cố ý tránh xa sự dễ dãi uống rượu và các chất say (Surāmerayamajjappamādatṭhānā veramaṇī).

Sự Nguyện Thọ Giới:

Sự nguyện thọ ngũ giới có hai trường hợp:

- 1) Cách nguyện thọ các điều học cùng nhau.
Là nguyện chung 5 giới như: Pañcasīlam samādiyāmi “Tôi xin nguyện thọ cả năm giới”.
- 2) Cách nguyện thọ các điều học riêng biệt từng điều.
Là nguyện đọc riêng từng giới như: Paṇātipātā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự sát sanh...

Giới tránh xa sự sát sanh:

Sát sanh là cắt đứt mạng sống của chúng sanh khác, gây ra đau khổ cả thân lẫn tâm cho chúng sanh khác. Sát sanh tạo ra thân ác nghiệp.

Đức Phật dạy:

“Mọi người sợ hình phạt,
Mọi người thích sống còn;
Lấy mình làm ví dụ,
Không giết, không bảo giết.” (Pc. 130)

Phạm giới sát sanh hội đủ 5 chi (aṅga) là:

- a. Pāṇo: chúng sanh, sinh vật có thức tánh.
- b. Pāṇasaññitā: biết rõ đó là chúng sanh.
- c. Vadhakacittam: có tâm muốn giết hại.
- d. Upakkamo: cố sức giết / ráng sức giết.
- e. Tena maraṇam: chúng sanh đã chết do sự cố giết ấy.

Hội đủ năm chi này mới gọi là đứt giới. Nếu chỉ hành động thiếu một hai chi thì gọi là giới lủng rách, giới bất tịnh thôi.

Mặt khác, giới sát sanh bị phạm do 2 sở hành (payoga) là: phạm do tự mình hành động (Sahatthikappayoga) và phạm do bảo kẻ khác làm (āṇattikappayoga). Ở đây có nghĩa là tự mình sát sanh hay xúi bẩy người khác sát sanh cũng đều gọi là phạm giới sát sanh.

Nguyên nhân của sự sát sanh:

Nguyên nhân chính khiến cho hành động sát sanh là do ba nhân bất thiện: nhân tham, nhân sân và nhân si sai khiến cho hành động sát sanh.

Đức Phật dạy trong Tăng Chi Kinh (AN 8.174): Này các Tỷ-kheo, Ta nói sát sanh có ba: do nhân tham, do nhân sân, do nhân si.

Quả phước của không sát sanh:

Giữ giới không sát sanh là nuôi dưỡng tâm Từ (mettā) và loại trừ tâm sân hận, loại bỏ sự hận thù.

Đức Phật dạy: Người từ bỏ sát sanh, không tạo ra sợ hãi hận thù trong hiện tại, không tạo ra sợ hãi hận thù ngay trong tương lai, không khiến tâm cảm thọ khổ ưu. Người từ bỏ sát sanh, làm lắng dịu sợ hãi hận thù này. (AN10.92)

Một đoạn kinh khác, Đức Phật dạy: Đây đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, tương xứng như vậy được sanh thiên giới. Thế nào là ba?

Tự mình từ bỏ sát sanh, khích lệ người khác từ bỏ sát sanh, tùy hỷ sự từ bỏ sát sanh. Đây đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, tương xứng như vậy, được sanh thiên giới. (AN 3.153)

Trong Chú giải Khuddakapāṭha giảng giải việc giữ giới không sát sinh có 23 quả phước:

- 1) Được trường thọ
- 2) Thân không tàn tật
- 3) Ít bệnh hoạn
- 4) Thân hình vừa vặn
- 5) Thân thể xinh tốt
- 6) Tướng khoan thai cao ráo
- 7) Cử chỉ linh hoạt
- 8) Bước chân đi dáng đẹp
- 9) Vẻ mặt tươi sáng

- 10) Tính tình nhu hòa
- 11) Tinh thần an vui
- 12) Tâm dạn dĩ dũng cảm
- 13) Có nhiều sức mạnh
- 14) Nói năng bất thiệp
- 15) Không bị quân chúng bắt nạt
- 16) Không có sự kinh hoàng sợ hãi
- 17) Không bị kẻ thù hãm hại
- 18) Không bị chết do người cố sát
- 19) Không có chuyện bức mình
- 20) Thân thể sạch sẽ
- 21) Có đông tùy tùng
- 22) Được mọi người thương mến
- 23) Không gặp cảnh sanh ly tử biệt

Giới tránh xa sự trộm cắp:

Trộm cắp là lấy vật của người khác mà chưa được cho đến mình. Lấy của không được cho có nhiều cách như trộm, cướp dặt, lừa gạt, gian lận, xén bớt, trốn thuế...

Phạm giới trộm cắp do hội đủ 5 chi (aṅga):

- a. Parapariggahitam: vật có chủ gìn giữ.
- b. Parapariggahitasaññitā: biết là vật có chủ gìn giữ.
- c. Theyyacittam: có tâm muốn lấy trộm.
- d. Upakkamo: cố sức lấy.
- d. Tena haranam: vật đã bị mang đi khỏi chỗ do sự rón sức ấy.

Nói về giới trộm cắp, sở hành phạm tội (payoga) có 2 cách: tự mình hành động trộm cắp (Sahatthikapayoga) và xúi bảo người khác trộm cắp (ānattikappayoga) đều phạm giới.

Nguyên nhân của sự trộm cắp:

Đức Phật dạy trong Tăng Chi Kinh (AN 8.174): Nay các Tỷ-kheo, Ta nói lấy của không có ba: do nhân tham, do nhân sân, do nhân si.

Quả phước của không trộm cắp:

Giữ giới không sự trộm cắp là tôn trọng quyền tư hữu, loại trừ lòng tham, nuôi dưỡng tâm từ bi, và tránh xa thân ác nghiệp.

Đức Phật dạy: Đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, tương xứng như vậy được sanh thiên giới. Thế nào là ba?

Tự mình từ bỏ lấy của không cho, khích lệ người khác từ bỏ lấy của không cho, tùy hỷ sự từ bỏ lấy của không cho. Đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, tương xứng như vậy, được sanh thiên giới.

Trong Chú giải Khuddakapāṭha giảng giải giới tránh xa trộm cắp có 11 quả phước:

- 1) Có nhiều của cải.
- 2) Có thực phẩm đầy đủ.
- 3) Kiếm được thực phẩm dễ dàng.
- 4) Có được tài sản chưa có.
- 5) Tài sản có rồi được giữ vững.
- 6) Muốn gì được đó.
- 7) Tài sản không bị tiêu hao do thiên tai, hoả hoạn, trộm cướp, tịch biên hay do người thân.
- 8) Có được tài sản không bị tranh đoạt.
- 9) Không bị nghe và biết “sự không có”.
- 10) Ở đâu cũng được an vui.
- 11) Dễ đạt được tài sản Siêu thế.

Giới tránh xa sự tà dâm:

Tà dâm là sự quan hệ tình dục bất chánh giữa nam và nữ. Tà dâm là một hành vi xấu xa, bất chính, thấp hèn mà chư thiện-trí chê trách.

Giữ giới tránh xa sự tà dâm là tránh xa sự quan hệ tình dục bất chánh giữa nam và nữ. Khi vợ chồng có cưới hỏi đàng hoàng thì gọi là chánh. Ngoài ra, mọi sự lén lút, tư tình, lang chạ với người khác là phi pháp.

Phạm giới tà dâm do hội đủ bốn chi:

- 1) Đối tượng không được phép quan hệ tình dục (agamanīyatthānam) là đối tượng Nam hay Nữ có người gìn giữ.

- 2) Có tâm tham muốn quan hệ tình dục với người ấy (tasmim sevanācittam).
- 3) Cố gắng quan hệ tình dục (upakkamo).
- 4) Đã hành động tình dục (maggena maggappatipādanam).

Người nam nào đã có gia đình hành dâm với người nữ có người gìn giữ, phạm vào bốn điều kể trên là người phạm giới Tà dâm. Người nữ nào đã có gia đình tà dâm với người nam đã có người gìn giữ thì người nữ ấy phạm vào tội Tà dâm.

Người nữ không được phép tà dâm có ba hạng:

- a) Sasāmikā: Người nữ đã có chồng.
- b) Nātirakkhita: Người nữ dưới quyền giám hộ của quyền thuộc.
- c) Dhammarakkhita: Người nữ dưới sự giám hộ của Pháp luật. Ý nói các cô còn vị thành niên, hay các bậc nữ tu.

Người nam không được phép tà dâm:

- a) Người nam đã có vợ.
- b) Người nam dưới quyền giám hộ của pháp luật và hàng tu sĩ.

Nguyên nhân của sự tà dâm:

Đức Phật dạy: Nay các Tỷ-kheo, Ta nói tà hạnh trong các dục có ba: do nhân tham, do nhân sân, do nhân si.

Đức Phật thuyết về hậu quả khổ đau của người phạm giới tà dâm:

“Bốn nạn chờ đợi người,
Phóng dật theo vợ người.
Mắc họa, ngủ không yên,
Bị chê là thứ ba,
Đọa địa ngục, thứ bốn.” (Pháp Cú 309)

Buông lung theo vợ, chồng người
Mắc vào bốn nạn khiến đời bất an:
Bản thân tội lỗi vương mang,
Ngủ đêm trần trọc, tâm can rối bời
Bà con khinh bỉ chê cười

Chết vào địa ngục là nơi đọa đày. (Pháp Cú 309)

Nguyên nhân của sự nói dối:

Đức Phật dạy: Nay các Tỷ-kheo, Ta nói, sự nói láo có ba: do nhân tham, do nhân sân, do nhân si.

Quả phước của giới không tà dâm:

Giới tránh xa tà dâm có 20 quả phước:

- 1) Không bị thù địch.
- 2) Không bị người ganh ghét.
- 3) Không bị tai nạn do người hại.
- 4) Ít bị xa lìa người thương.
- 5) Là chỗ thương yêu của mọi người.
- 6) Có nhiều thân hữu quý mến.
- 7) Tìm cái ăn, cái mặc, chỗ ở dễ dàng.
- 8) Ngủ nghỉ được an vui.
- 9) Thức giấc được an vui.
- 10) Nằm ngồi chỗ nào cũng an vui.
- 11) Sinh kế không khó khăn.
- 12) Không dễ bị cướp.
- 13) Không sanh khổ cảnh.
- 14) Không sanh làm người bán nam bán nữ.
- 15) Tánh người nghiêm túc.
- 16) Làm việc minh bạch.
- 17) Tướng mạo uy nghi.
- 18) Ngũ quyền (mắt, tai ...) đầy đủ.
- 19) Cổ không cúp, “Tức là có oai phong.”
- 20) Không gục mặt, “Tức là có uy quyền.”

Giới tránh xa sự nói dối:

Nói dối là nói không đúng sự thật, nói sai sự thật. Những điều không đúng sự thật như:

- Điều mình không thấy, nói: tôi thấy.
- Điều mình không nghe, nói: tôi nghe.

- Điều mình không biết, nói: tôi biết.
- Điều mình thấy, nói: tôi không thấy.
- Điều mình nghe, nói: tôi không nghe.
- Điều mình biết, nói: tôi không biết.
- Vật mình có, nói: tôi không có, v.v...

Phạm giới nói dối do hội đủ 4 chi (aṅga):

- a) Atathamvatthu: chuyện không đúng sự thật.
- b) Visamvādanacittam: có tâm muốn nói cho sai sự thật.
- c) Tajjo vāyāmo: cố gắng nói sai.
- d) Parassa tadatthavijānānaṃ: đã khiến người khác hiểu tin như thế.

Đức Phật dạy:

Nói lời xảo trá dối gian,
 Làm rồi lại chối không làm, không hay.
 Ai mà tạo những nghiệp này
 Chết vào địa ngục đọa đầy tránh đâu
 Làm người ty tiện dài lâu. (Pc. 306)

Quả Phước của giới không nói dối:

Giới không nói dối có 14 quả phước:

- 1) Có ngũ quyền được trong sáng (mắt, tai...)
- 2) Có lời nói thanh tao.
- 3) Có hàm răng khít khao đều đặn.
- 4) Không quá mập.
- 5) Không quá ốm.
- 6) Không quá cao.
- 7) Không quá lùn.
- 8) Được hưởng xúc lạc.
- 9) Miệng thơm như hoa sen.
- 10) Lưỡi mỏng đỏ như cánh sen.
- 11) Không cảm ngóng.

- 12) Có được kẻ tùy tùng tín cẩn.
- 13) Lời nói được tín nhiệm.
- 14) Tâm trí không bị rối loạn.

Giới Tránh xa sự uống rượu và các chất say:

Uống rượu bia và các chất say làm cho say xua, gây nghiện, không biết tự chủ, là nhân sinh sự dễ duôi (thất niệm) trong mọi thiện pháp, phát sanh bệnh tật.

Chất say (Meraya) là các loại nước trái cây ngâm lên men trở thành chất say, thuốc phiện, ma túy, cần sa, thuốc lá, ...

Phạm giới uống rượu do hội đủ 4 chi:

- 1) Majjanīyavatthu: Thức uống là chất say
- 2) Pātukamyatācittam: Có tâm muốn uống
- 3) Tajjo vāyamo: Cố sức uống chất say ấy
- 4) Tassa pānam: Đã uống nước say ấy, tức là dù một giọt rượu nuốt khỏi cổ cũng gọi là uống rượu.

Đức Phật dạy sáu điều suy vong, thiệt hại cho người say sưa rượu chè:

Say sưa rượu chè (Surāmerayamajjapamā datṭhānānuyogo), người sống say sưa có sáu điều suy vong, thiệt hại là: tài sản bị tiêu hao, gây ra sự tranh cãi, phát sanh nhiều bệnh tật, tự đánh mất danh dự, thân lỏa lồ trâng tráo, làm suy giảm trí tuệ.

Quả phước của giới không uống rượu:

Giới không uống rượu có 15 quả phúc:

- 1) Làm người có trí nhớ tốt, không bị lẫn.
- 2) Không bị điên khùng, đờ đẫn.
- 3) Có sự hiểu biết mau lẹ.
- 4) Thành người đa trí.
- 5) Làm người tri thức.
- 6) Làm người hiểu biết điều lợi ích và điều không lợi ích.
- 7) Làm người không hoảng hốt.
- 8) Làm người không có sự bức bối.

- 9) Không bị người vu khống.
- 10) Làm người nói năng nghiêm túc.
- 11) Làm người siêng năng chăm chỉ.
- 12) Làm người tính trung thực.
- 13) Làm người có liêm sỉ.
- 14) Luôn có sự an vui.
- 15) Luôn được người kính nể.

Đức Phật dạy người nào phạm vào ngũ giới là tự đào bứng gốc rễ của mình:

Yo pāṇam atipāṭeti
Musāvādañca bhāsati.
Loke adinnam ādīyati.
Paradārañca gacchati. (Dhp. 246)

Ai ở đời sát sanh.
Nói láo không chân thật.
Ở đời lấy (của) không cho.
Qua lại với vợ người. (Pc. 246)

Surāmerayapānañca
Yo naro anuyuñjati
Idh'evam'eso lokasmiṃ
Mūlaṃ khaṇati attano. (Dhp. 247)

Uống rượu men, rượu nấu.
Người sống đam mê vậy,
Chính ngay tại đời này.
Tự đào bới gốc mình. (Pc. 247)

Bát-quan trai giới (Uposathasīla):

Người tại gia cư sĩ thọ trì Bát quan trai giới (Uposathasīla) trong mỗi tháng có 4 ngày, hoặc 6 ngày, hoặc 8 ngày, hoặc 20 ngày.

1. Cố ý tránh xa sự sát sanh (pāṇātipātā veramaṇī).
2. Cố ý tránh xa sự trộm cắp (adinnādānā veramaṇī).
3. Cố ý tránh xa sự hành dâm (abrahmacariyā veramaṇī).
4. Cố tránh xa sự nói dối (musāvādā veramaṇī).

5. Cố ý tránh xa sự đê duôi uống rượu và các chất say (Surāmerayamajjappamādatṭhānā veramaṇī)
1. Cố ý tránh xa sự ăn phi thời (vikālabhojanā veramaṇī)
2. Cố ý tránh xa sự múa hát, thổi kèn đờn, xem múa hát nghe đờn kèn, trang điểm thoa vật thơm, bôi phấn và đeo tràng hoa.
(Nacca-gīta-vādita-visūkadassana-mālāgandha-vilepana-dhāraṇa-maṇḍana-vibhūsanatṭhānā veramaṇī).
3. Cố ý tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp (Uccāsayana mahāsayanā veramaṇī)

Lợi ích của sự thực hành Bát quan trai giới:

Trong Tăng Chi Kinh, Chương tám Pháp, Phẩm Ngày Trai Giới, Đức Phật dạy:

“Ở đây, có người đàn bà hay đàn ông, sau khi thực hành trai giới thành tựu tám chi phần, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên Bốn thiên vương, chư Thiên cõi trời Ba mươi ba, chư Thiên cõi trời Yàma, chư Thiên cõi trời Tusitā (Đâu Suất), chư Thiên cõi trời Hóa lạc, chư Thiên cõi trời Tha hóa Tự tại. Do vậy, Ta nói: “Nhỏ nhoi thay, này các Tỷ-kheo, là quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên”.

Trì mạng giới (Ājīvatṭhamakasīla):

Trì mạng giới hay Chánh Mạng đệ bát giới (ājīvatṭhamakasīla) gọi là giới khởi đầu con đường phạm hạnh (Ādibrahmacariyakasīla), là nền tảng cho thành tựu thiền định và Đạo Quả.

Trì Mạng Giới là tám giới mà có giới chánh mạng là thứ tám, là giới chung của tất cả người tại gia và những bậc xuất gia.

Trì Mạng Giới là tránh xa ba thân ác hạnh (kāyaduccarita), bốn khẩu ác hạnh (vacīduccarita) và tà mạng (micchā-ājīva).

Trì Mạng Giới có 8 điều là:

- 1) Tránh xa sự sát sinh.
- 2) Tránh xa sự trộm cắp.
- 3) Tránh xa sự tà dâm.
- 4) Tránh xa sự nói dối.
- 5) Tránh xa sự nói đâm thọc.

- 6) Tránh xa sự nói lời độc ác.
- 7) Tránh xa sự nói lời vô ích.
- 8) Tránh xa cách sống tà mạng, sống chánh mạng.

Tám giới này gọi là ba chi phần trong bát chánh đạo, đó là Chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng. Ba chi phần này thuộc về Giới trong Bát chánh đạo (Giới - Định - Tuệ).

Người thọ trì Trì Mạng Giới (ājīvaṭṭhamakasīla) gìn giữ cho trong sạch và trọn vẹn thì ngay trong kiếp hiện tại được an lạc, và quả báu của bát giới này rất lớn, được thành tựu quả báu trong cõi người, cõi trời và thành tựu chứng ngộ Niết Bàn.

Lợi ích của sự giữ giới:

Đức Phật dạy cho tôn giả Ānanda rằng: Này Ānanda, giới là thiện, giới có mục đích là bất hồi, có lợi ích là bất hồi.

Năm lợi ích của sự trì giới (Silānisansa):

- 1) Do nhân không dễ duôi nên đạt được tài sản lớn (Appamādhādhikaraṇaṃ mahantaṃ bhogakkhandaṃ adhigacchati).
- 2) Danh thơm tiếng tốt đồn xa (Kalyāṇo kittisaddo abbhuggacchati).
- 3) Đi đến bất cứ hội chúng nào cũng dạn dĩ ung dung (Yaññadeva parisam upasaṅkamati visārado amaṅkubhūto).
- 4) Chết không hôn mê (Asammūḷho kālaṃ karoti).
- 5) Sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào nhàn cảnh cõi trời (Kāyassa bheda parammaraṇā sugatiṃ saggaṃ lokam upapajjati).

Trong Chakkanipāta, Aṅguttaranikāya, Đức Phật thuyết 10 ân đức của giới như vậy:

- 1) Avippaṭisāraṃ: Là nhân sanh của sự không phiền muộn.
- 2) Pāmojjaṃ: Là nhân sanh của sự hạnh phúc an lạc.
- 3) Pīti: Là nhân sanh của sự hỷ lạc, sung sướng.
- 4) Passaddhi: Là nhân sanh sự yên tĩnh.
- 5) Sukhaṃ: Là nhân sanh sự an lạc thân tâm.
- 6) Samādhi: Là nhân sanh của định.

- 7) Yathābhūtañāṇadassanam: Là nhân sanh của sự thấy biết rõ theo bản chất thật.
- 8) Nibbidāvigāram: Là nhân sanh sự nhàm chán ái dục.
- 9) Vimutti: Là nhân sanh giải thoát, đó là bốn đạo.
- 10) Vimuttiñāṇadassana: Là nhân sanh sự thấy biết rõ rằng đã giải thoát, đó là bốn quả.

Trong tạng luật, Đức Phật thuyết 10 lợi ích (atthavasa) của chế định học giới như vậy:

- 1) Saṅghasutṭhātāya: Để có sự tốt đẹp cho hội chúng tăng.
- 2) Saṅghaphāsutāya: Để có sự an lạc cho hội chúng tăng.
- 3) Dummaṅkūnaṃ puggalānaṃ niggahāya: Để trấn áp những người không có giới, người ác xấu.
- 4) Pesalānaṃ bhikkhūnaṃ phāsuvihārāya: Để tạo sự thuận tiện an lạc cho những Phíc-khú có giới.
- 5) Dīṭṭhadhammikānaṃ āsavānaṃ saṃvarāya: Để ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại.
- 6) Saṃparāyikānaṃ āsavānaṃ paṭighātāya: Để ngăn ngừa các lậu hoặc trong tương lai.
- 7) Appasannānaṃ pasādāya: Để đem lại niềm tin cho những người chưa có đức tin.
- 8) Pasannānaṃ bhiyyobhāvāya: Để làm tăng trưởng niềm tin cho những người đã có đức tin.
- 9) Saddhammatṭhitiyā: Để làm cho chánh pháp tồn tại, tức pháp học, pháp hành và pháp thành.
- 10) Vinayānuggahāya: Để hỗ trợ luật.

Tóm lại:

Trì Giới là nền tảng của mọi thiện pháp, trì giới trong sạch giúp ngăn trừ thân nghiệp bất thiện và khẩu nghiệp bất thiện, đồng thời tạo điều kiện cho các thiện pháp khác được phát triển. Việc trì giới hỗ trợ cho sự thực hành các pháp Ba la mật được hoàn thiện tròn đủ. Người in giữ giới luật trong sạch đem lại sự lợi ích, hạnh phúc, an vui cho chính mình và cho người khác, là người đang đi trên con đường chánh đạo dẫn đến cảnh giới an vui và đạt đến giải thoát Niết Bàn.